TÒA ÁN NHÂN DÂN **thành phố T** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 404/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28/02/2023
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ánh Nguyệt

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Tiến Dũng

2. Bà Nguyễn Thị Lượng

- *Thư ký phiên toà:* Ông Lê Hoàng Quân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa: Ông Trần Đức Sơn – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 2201/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2022, về việc "Tranh chấp ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 249/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị Kim H, sinh năm 1985.

Thường trú: 33A đường số S, khu phố N, phường L, Thành phố T, Thành phố H. (có mặt)

Bị đơn: Ông Trịnh Văn T, sinh năm 1983.

Thường trú: 33A đường số S , khu phố N , phường L, Thành phố T, Thành phố H. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Hoàng Thị Kim H trình bày: Bà và ông Trịnh Văn T tự nguyện kết hôn vào năm 2009 có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn. Sau khi lập gia đình ông bà sống tự lập. Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã, ông T không tôn trọng vợ, không có trách nhiệm với gia đình, từ đó cuộc sống chung không mang lại hạnh phúc. Do mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn nên ông bà đã ly thân từ tháng 8/2022 cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà xin được ly hôn với ông T.

Về con chung: Có 02 người con chung tên Trịnh Phát Đ, sinh ngày 28/3/2010 và Trịnh Hoàng Linh C, sinh ngày 31/3/2014. Sau khi ly hôn bà yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 02 người con chung và yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi mỗi người con chung mỗi tháng 2.500.000 đồng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai và tại các buổi hòa giải ông Trịnh Văn T trình bày: Ông xác nhận thời gian kết hôn đúng như bà H trình bày. Theo ông cuộc sống chung hạnh phúc bình thường đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, không hợp nhau. Tuy nhiên ông T cho rằng đó chỉ là những mâu thuẫn lặt vặt, ông xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, không đồng ý ly hôn và mong muốn đoàn tụ gia đình.

Về con chung: Có 02 người con chung tên Trịnh Phát Đ, sinh ngày 28/3/2010 và Trịnh Hoàng Linh C, sinh ngày 31/3/2014. Sau khi ly hôn ông yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng người con chung tên Trịnh Hoàng Linh C, bà Hnuôi người con chung tên Trịnh Phát Đ, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn bà Hoàng Thị Kim H giữ nguyên yêu cầu ly hôn, nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Hai bên tự thỏa thuận về tài sản chung; Về nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Trịnh Văn T vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" nên căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn cư trú tại thành phố T, Thành phố H nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, Thành phố H

Bị đơn ông Trịnh Văn T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do vì vậy căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung: Bà Hoàng Thị Kim H và ông Trịnh Văn T tự nguyện kết hôn và chung sống với nhau theo Giấy chứng nhận kết hôn quyển số 01 ngày 17/3/2009 do Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh N cấp, do đó hôn nhân của ông bà là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Về yêu cầu xin ly hôn của bà H, Hội đồng xét xử nhận thấy: bà H và ông T thừa nhận vợ chồng có nhiều mâu thuẫn và hiện đã ly thân, bà H cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã, ông T không tôn trọng vợ, không có trách nhiệm với gia đình; ông T cũng thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn nhưng ông xác định tình cảm vẫn còn, ông mong muốn đoàn tụ gia đình. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng là có và hiện nay các bên vẫn còn mâu thuẫn, chứng tỏ ông bà không có khả năng giải quyết những mâu thuẫn phát sinh trong thực tế cuộc sống vợ chồng dẫn đến vợ chồng ly thân. Tuy nhiên, tại phiên Tòa xét xử vụ án, ông Trịnh Văn T vắng mặt không có lý do. Điều này cho thấy ông Trịnh Văn T không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình và cũng không có ý thức tôn trọng pháp luật. Căn cứ Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Xét thấy ông bà đã ly thân với nhau từ tháng 8/2022 cho đến nay, mâu thuẫn giữa các bên là không thể giải quyết, sự tin tưởng lẫn nhau trong cuộc sống vợ chồng cũng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, khả năng đoàn tụ không mang lại hạnh phúc, bà Hcương quyết không đoàn tụ với ông T vì tình cảm không còn, vì vậy căn cứ Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên chấp nhận yêu cầu của bà Hvề việc xin ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà Hoàng Thị Kim H và ông Trịnh Văn T xác định có 02 người con chung Trịnh Phát Đ, sinh ngày 28/3/2010 và Trịnh Hoàng Linh C, sinh ngày 31/3/2014. bà H yêu cầu trực tiếp nuôi 02 người con chung và yêu cầu ông T cấp dưỡng mỗi người con chung mỗi tháng 2.500.000 đồng. Ông T yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng người con chung tên Trịnh Hoàng Linh C, bà H nuôi người con chung tên Trịnh Phát Đ, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Đối với yêu cầu của bà H và ông T về việc trực tiếp nuôi con, Hội đồng xét xử nhận thấy, mặc dù cả hai đều có đủ điều kiện nuôi con nhưng việc quyết định giao con cho ai nuôi Hội đồng xét xử phải xem xét bảo đảm quyền lợi mọi mặt của con. Xét theo nguyện vọng của 02 người con chung đều mong muốn ở với mẹ và hiện tại các con đang ở với bà H, được chăm sóc tốt và được đi học, bà H có đủ khả năng và điều kiện chăm sóc con, gắn bó tình cảm chị em, việc tách các con ra sống riêng sẽ làm ảnh hưởng về tâm lý. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi của con cũng như sự ổn định về tinh thần, tâm lý của các con nên giao các con cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng.

Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Xét, cần buộc ông T cấp dưỡng nuôi con hai người con chung, mỗi trẻ 2.500.000 đồng/tháng là phù hợp, đảm bảo việc nuôi dưỡng, học tập của các con trong điều kiện hiện nay và khả năng thu nhập của ông T.

Về tài sản chung: Hai bên đương sự xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp, đúng quy định.

Về án phí: Căn cứ vào Luật phí và lệ phí năm 2015. bà Hphải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 Điều 21, Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 244, Khoản 2 Điều 269, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Thị Kim H.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Hoàng Thị Kim H được ly hôn ông Trịnh Văn T.

1.2 Về con chung: Có 02 người con chung tên Trịnh Phát Đ, sinh ngày 28/3/2010 và Trịnh Hoàng Linh C, sinh ngày 31/3/2014.

Giao 02 người con chung tên Trịnh Phát Đ, sinh ngày 28/3/2010 và Trịnh Hoàng Linh C, sinh ngày 31/3/2014 cho bà Hoàng Thị Kim H trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Trịnh Văn T cấp dưỡng nuôi 02 người con chung, mỗi người con chung mỗi tháng 2.500.000 đồng. Thực hiện cho đến khi các người con chung lần lượt đủ 18 tuổi.

Kể từ khi bà Hoàng Thị Kim H có đơn yêu cầu thi hành án về số tiền cấp dưỡng, nếu ông Trịnh Văn T chưa thi hành, thì hàng tháng ông Trịnh Văn T còn phải chịu thêm tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con. Việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi khi có lý do chính đáng.

1.3 Về tài sản chung: Hai bên đương sự tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4 Về nợ chung: Đương sự xác định không có.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Hoàng Thị Kim H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng bà Hđã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0028608 ngày 29/9/2022. bà H đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. ông T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, ông T chưa nộp án phí cấp dưỡng nuôi con.

3. Quyền kháng cáo: Án sơ thẩm xét xử công khai các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Toà án ND TP.HCM;
- VKSND TP. Thủ Đức;
- Chi cục THADS TP.Thủ Đức;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Ánh Nguyệt

.